

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4400/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 27 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,67 ha) phục vụ thi công  
Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình  
tại mỏ QN03, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn  
của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 4143/STNMT-CCBVMT ngày 22/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,67 ha) phục vụ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình tại mỏ QN03, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,67 ha) phục vụ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình tại mỏ QN03, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 35/CV-XDTN ngày 24/11/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1425/TTr-STNMT ngày 27/11/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,67 ha) phục vụ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình tại mỏ

QN03, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tại mỏ QN03 thuộc phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA**  
**DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH**  
**6,67 HA) PHỤC VỤ THI CÔNG DỰ ÁN KHU DÂN CƯ B2**  
**PHÍA BẮC SÔNG HÀ THANH, PHƯỜNG NHƠN BÌNH TẠI MỎ QN03,**  
**PHƯỜNG BÙI THỊ XUÂN, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**  
**CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THUẬN NGHĨA**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày     /     /2023 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 6,67 ha) phục vụ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình tại mỏ QN03 thuộc phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.
- Địa điểm thực hiện: phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nghĩa.
- Địa chỉ liên hệ: số 21 Bùi Hữu Nghĩa, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256 3826043.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Diện tích dự án: 6,67 ha (trong đó, có 05 bãi lộ đá gốc với tổng diện tích 3.830,2 m<sup>2</sup> được giữ nguyên, không tác động trong quá trình khai thác).
- Thời hạn khai thác: 01 năm (dự kiến năm 2024); theo tiến độ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh Bình Định: 351.487 m<sup>3</sup> đất địa chất.
- Công suất khai thác: 296.637 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm (phục vụ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình).

**1.3. Phương pháp khai thác:** Vị trí mở vỉa đầu tiên trên phần diện tích tại cao độ +85m phía Nam khu mỏ (ở gần điểm góc số M6 và M7), thực hiện khai thác theo hướng từ trên xuống dưới với cao độ kết thúc khai thác thấp nhất +24m. Địa hình kết thúc khai thác thoải từ Tây Nam sang Đông Bắc (cao hơn địa hình ở hạ lưu, không tạo hố sâu cục bộ). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m<sup>3</sup>) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn

bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

#### 1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ (trừ phần ranh giới phía Nam và một góc phía Tây Nam mỏ do khu vực này là thượng lưu của lưu vực thoát nước khu vực) có tổng chiều dài 718 m; mương thu gom nước dọc hai bên tuyến đường công vụ trong mỏ có tổng chiều dài 840 m; 02 hố giảm tốc (phía Tây Bắc và phía Đông Bắc mỏ).

- Tuyến đường giao thông:

- + Tuyến đường ngoài mỏ: Công ty sử dụng các tuyến đường hiện trạng có sẵn, không mở mới. Trường hợp có cải tạo, nâng cấp tuyến đường để phục vụ hoạt động vận chuyển sẽ làm việc với đơn vị quản lý tuyến đường và thực hiện hoàn trả theo yêu cầu của đơn vị quản lý tuyến đường.

- + Tuyến đường công vụ trong mỏ (kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 420 m.

- Khu vực phụ trợ phía Tây Bắc mỏ (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.500 m<sup>2</sup> để bố trí lán trại tạm, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích 6,67 ha.

### **2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy phía hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án**

#### 3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 2,64 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 7.557,84 m<sup>3</sup>/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất trên diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 6,67 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến đến phục vụ thi công Dự án Khu dân cư B2 phía Bắc sông Hà Thanh, phường Nhơn Bình.

#### 3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 19,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm; pin, ắc quy thải (Mã chất thải: 16 01 12) khoảng 03 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 15 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, nguy cơ sa bồi xuống khu vực hạ lưu, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án**

##### **4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

##### **4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn**

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ khoảng 718 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy nhỏ 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường có tổng chiều dài khoảng 840 m (kích thước: đáy lớn 1,2 m x đáy bé 0,4 m x sâu 0,5 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc số 1 phía Tây Bắc mỏ (tọa độ: 1.518.729; 598.550), thể tích khoảng 240 m<sup>3</sup> (diện tích 80 m<sup>2</sup>, sâu 3 m); hồ giảm tốc số 2 phía Đông Bắc (tọa độ: 1.518.801; 598.770), thể tích khoảng 720 m<sup>3</sup> (diện tích 240 m<sup>2</sup>, sâu 3 m). Kết cấu các hồ giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

- + Nước mưa chảy tràn phía Tây Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới dự án ở phía Tây Bắc) → hồ giảm tốc số 01 phía Tây Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc mỏ.

- + Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc mỏ → mương thu gom xung quanh mỏ (dọc theo ranh giới dự án ở phía Bắc, Đông Bắc) → hồ giảm tốc số 02 phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ.

- + Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hồ giảm tốc số 01 phía Tây Bắc mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → khe thoát nước hiện trạng phía Tây Bắc mỏ.

##### **4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi**

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,...) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

#### 4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

#### 4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện giải pháp đảm bảo an toàn 05 bãi lộ đá gốc (tổng diện tích 3.830,2 m<sup>2</sup>) nằm trong phạm vi mỏ khi kết thúc khai thác.

- Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

##### 4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung như sau:

| STT      | Nội dung công việc                    | Đơn vị tính    | Khối lượng | Kết quả đạt được                                                                                                  | Thời gian thực hiện                                                     |
|----------|---------------------------------------|----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Khu vực mỏ</b>                     |                |            |                                                                                                                   |                                                                         |
| 1.       | Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ | cái            | 6          | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác                                                                         | Trước khi tiến hành khai thác                                           |
| 2.       | San gạt mặt bằng mỏ                   | m <sup>3</sup> | 5.658      | Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Tây, Tây Bắc, Đông, Đông Bắc thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc           |
| 3.       | San gạt tuyến đường vận chuyển        | m <sup>3</sup> | 3.775      | Tạo bề mặt bằng phẳng, trả lại hiện trạng                                                                         | Sau khi kết thúc khai thác                                              |
| 4.       | San lấp mương thu nước và hố giảm tốc | m <sup>3</sup> | 2.774,86   | Trả lại hiện trạng ban đầu                                                                                        | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác |

| STT | Nội dung công việc                                                                                       | Đơn vị tính    | Khối lượng | Kết quả đạt được           | Thời gian thực hiện               |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|----------------------------|-----------------------------------|
| 5.  | Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động                                                                     | m <sup>2</sup> | 40         |                            | Sau khi kết thúc khai thác        |
| 6.  | Tháo dỡ cống tròn qua đường                                                                              | Tấn            | 9,6        |                            | Sau khi kết thúc khai thác        |
| 7.  | Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ (trừ diện tích 05 bãi lộ đá gốc có tổng diện tích khoảng 0,38 ha) | ha             | 6,29       | Phủ xanh khu vực khai thác | Sau khi kết thúc khai thác        |
| 8.  | Đo vẽ địa hình khu mỏ                                                                                    | ha             | 6,67       | Giám sát độ sâu khai thác  | Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **628.541.000 đồng** (Sáu trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thời điểm ký quỹ được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Thường xuyên nạo vét, gia cố hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi, gây ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực. Trong quá trình khai thác, nếu xảy ra hiện tượng sa bồi ảnh hưởng diện tích đất trồng sản xuất phía hạ lưu, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án**

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

**6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.**